

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B2OLV**

Năm học: **22-23**

Mã MH/MĐ: **MH02072**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Giáo dục Chính trị**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2253801011228	Phạm Văn Tòng	02/05/1988				6	10.0				9.8		9.3
2	2253801011229	Ngô Thị Cẩm Tú	01/01/1984				9.5	10.0				9.5		9.6
3	2253801011231	Đinh Tấn Thanh	23/03/1998				7.5	9.6				10.0		9.6
4	2253801011232	Nguyễn Ngọc Thành	19/02/1980				6	9.6				9.8		9.2
5	2253801011233	Châu Thị Mộng Thúy	17/05/1992				9.5	9.6				9.8		9.7
6	2253801011234	Phan Thị Thừa	10/07/1982				7.5	9.2				10.0		9.5
7	2253801011551	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	04/05/1979				7	9.6				8.8		8.8
8	2253801013393	Nguyễn Thị Mỹ Chi	05/07/1996				7.5	9.2				8.3		8.4
9	2253801013394	Nguyễn Văn Chiến	19/05/1993				8	9.6				9.8		9.5
10	2253801013395	Đoàn Thị Bé Chính	02/09/1983				8	9.2				9.8		9.4
11	2253801013397	Trịnh Thanh Hóa	31/01/1992				5	8.4				10.0		8.9
12	2253801013398	Lê Thị Huống	26/07/1984				7	9.2				10.0		9.4
13	2253801013399	Nguyễn Thị Diệu Hương	17/10/1990				8	9.6				9.8		9.5
14	2253801013400	Lê Hoàng Linh	19/12/1992				7.5	8.0				8.3		8.1
15	2253801013401	Lê Chí Thanh	29/07/1996				7.5	9.2				9.5		9.2
16	2253801013402	Nguyễn Nhật Thanh	20/08/1991				7.5	7.6				9.8		8.9

Châu Đốc, ngày 13 tháng 9 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Phạm Thị Lan Nhi